

Số: 64/2026/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định số lượng; mức hỗ trợ hằng tháng đối với Nhân viên y tế
thôn, tổ dân phố; Cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức,
hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động
không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chế
độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với Nhân viên y tế
thôn, tổ dân phố và Cô đỡ thôn, bản;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định
tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và
nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với Nhân viên y tế thôn, bản; Cô
đỡ thôn, bản;*

*Xét Tờ trình số 14169/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định số lượng; mức hỗ trợ hằng
tháng đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; Cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh
Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra số 387/BC-VHXX ngày 15 tháng 9 năm 2026 của
Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định số lượng; mức hỗ trợ
hằng tháng đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; Cô đỡ thôn, bản trên địa
bàn tỉnh Lâm Đồng.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng; mức hỗ trợ hằng tháng đối với Nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại thôn, bản, buôn, bon, tổ dân phố (gọi chung là Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố); Nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại thôn, bản, buôn, bon ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn (gọi chung là Cô đỡ thôn, bản).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.
2. Cô đỡ thôn, bản.
3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Số lượng Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và Cô đỡ thôn, bản

1. Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí ít nhất 01 Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố, tối đa không quá 04 Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố. Số lượng Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố được bố trí như sau:

a) Thôn có dưới 700 hộ gia đình được bố trí 01 Nhân viên y tế thôn; thôn từ 700 hộ gia đình trở lên cứ tăng thêm đủ 350 hộ thì được bố trí thêm 01 Nhân viên y tế thôn.

b) Tổ dân phố có dưới 1.000 hộ gia đình được bố trí 01 Nhân viên y tế tổ dân phố; tổ dân phố từ 1.000 hộ gia đình trở lên cứ tăng thêm đủ 500 hộ thì được bố trí thêm 01 Nhân viên y tế tổ dân phố.

2. Thôn đặc biệt khó khăn ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền có từ 350 hộ gia đình trở lên, được bố trí 01 cô đỡ thôn, bản.

Điều 4. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và Cô đỡ thôn, bản

1. Mức 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng áp dụng đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và Cô đỡ thôn, bản làm việc tại: các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên.

2. Mức 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng áp dụng đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố làm việc tại thôn, bản, tổ dân phố còn lại.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6 Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2026.
2. Bãi bỏ các nội dung quy định đối với Nhân viên y tế thôn, bản tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 264/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định chức danh, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
3. Bãi bỏ các nội dung quy định đối với Nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố tại Điều 7 quy định kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định chức danh, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, Kỳ họp thứ 6 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận: ml

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Chính phủ, Quốc hội;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung